

Hà Nội, ngày 26 tháng 06 năm 2023

## THƯ MỜI CHÀO GIÁ

**Kính gửi: Các đơn vị cung cấp vật tư y tế**

Bệnh viện đa khoa Đức Giang đang có kế hoạch tổ chức đấu thầu mua sắm vật tư Chấn thương chỉnh hình năm 2023 để phục vụ công tác chuyên môn;

Để có cơ sở lập danh mục và dự toán, Bệnh viện kính mời các đơn vị, doanh nghiệp kinh doanh có khả năng cung cấp, quan tâm chào giá mặt hàng này. (Danh mục chi tiết kèm theo –Phụ lục I)

Báo giá xin được gửi về Bệnh viện Đa khoa Đức Giang theo địa chỉ : Số 54 phố Trường Lâm, phường Đức Giang, quận Long Biên, TP Hà Nội hoặc trực tiếp tại phòng Vật tư TB

Yêu cầu hồ sơ có các tài liệu sau :

1. Thư chào giá Bản cứng có dấu ( Theo mẫu - phụ lục II )
2. File Excel ( Theo mẫu – phụ lục III ) : gửi về theo địa chỉ mail vttbytducgiang@gmail.com

Thời gian nhận báo giá từ ngày ra thông báo đến trước 17 giờ ngày 30/06/2023 Mọi thông tin cần liên hệ về báo giá : Phòng vật tư thiết bị - Bệnh viện Đa khoa Đức Giang theo số điện thoại 024 38711751 để được hỗ trợ.

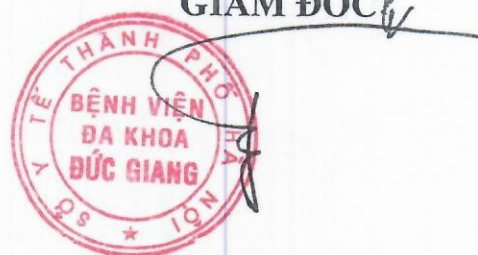
Rất mong nhận được sự quan tâm của Quý đơn vị.

Trân trọng cảm ơn!.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu VTTB.

**GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Văn Thường**

## DANH MỤC CHI TIẾT KÈM THEO

TT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kĩ thuật
<b>I.</b>	<b>VẬT TƯ ĐỊNH NẠP VÍT</b>			
	<b>Phần 1: Nẹp, vít, lưới và xương sọ</b>			
1	Lưới và sọ loại 1	Cái	5	- Lưới và sọ cứng, chất liệu titanium, dày $\geq 0.6\text{mm}$ , kích thước $135 \times 135\text{mm}$ $\pm 15\text{mm}$ - Sử dụng vít tự khoan, tự taro $2.0\text{mm}$ hoặc $1.5\text{mm}$ , $1.6\text{mm}$ - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485
2	Lưới và sọ loại 2	Cái	10	1. Miếng và khuyết sọ cứng chất liệu titanium 2. Độ dày $\geq 0.6\text{mm}$ . Kích thước $100\text{mm} \pm 25\text{mm} \times 110\text{mm} \pm 10\text{mm}$ , sử dụng vít $2.0\text{mm}$ hoặc $1.6\text{mm}$ . Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
3	Vít dùng lưới và sọ	Cái	300	Vít tự khoan, tự taro đường kính $2.0\text{mm}$ và $1.5$ hoặc $1.6\text{mm}$ . Chiều dài $\geq 4\text{mm}$ . Chất liệu hợp kim Titanium. Dùng cho Miếng và sọ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
4	Nẹp xương sọ titan thẳng 6 lỗ đến 8 lỗ	Cái	15	Chất liệu titanium, thẳng từ 6-8 lỗ, dùng với vít $2.0\text{mm}$ . Tiêu chuẩn ISO 13485
5	Nẹp xương sọ titan thẳng 10 lỗ đến 12 lỗ	Cái	15	Chất liệu titanium, thẳng từ 10-12 lỗ, dùng với vít $2.0\text{mm}$ . Tiêu chuẩn ISO 13485
6	Nẹp hàm mặt thẳng 4 lỗ	Cái	100	Nẹp mini thẳng 4 lỗ, dùng vít $2.0\text{mm}$ , dày $1.0\text{mm}$ , chất liệu titanium
7	Nẹp hàm mặt thẳng 6 lỗ	cái	40	Nẹp mini thẳng 6 lỗ, dùng vít $2.0\text{mm}$ , dày $1.0\text{mm}$ , chất liệu titanium
8	Nẹp hàm mặt thẳng 8 lỗ	Cái	20	Nẹp mini thẳng 8 lỗ, dùng vít $2.0\text{mm}$ , dày $1.0\text{mm}$ , chất liệu titanium
9	Vít hàm mặt/ sọ não tự khoan tự taro các cỡ	Cái	800	Dùng cho nẹp hàm mặt, đường kính $2.0\text{mm}$ , chất liệu titanium - Dùng để kết hợp xương - Có trợ cụ tương thích
	<b>Phần 2: Bộ nẹp khóa xương đòn</b>			
10	Nẹp khóa xương đòn có móc các cỡ	Cái	20	1. Chất liệu titanium. 2. Độ dày $\geq 3.2\text{mm}$ , rộng $\geq 10\text{mm}$ Sử dụng vít khóa đường kính $3.5\text{mm}$ tự taro
11	Nẹp khóa xương đòn chữ S các cỡ	Cái	100	1. Chất liệu titanium. 2. Độ dày nẹp $\geq 2.4\text{mm}$ , rộng $\geq 10\text{mm}$ , chiều dài $\geq 61.8\text{mm}$ , sử dụng vít $3.5\text{mm}$
12	Nẹp khóa đầu ngoài xương đòn các cỡ	Cái	50	1. Chất liệu titanium. 2. Độ dày $\geq 3.0\text{mm}$ , rộng $\geq 9.3\text{mm}$ . Chiều dài $\geq 65\text{mm}$ , trái/ phải các cỡ
13	Vít khóa đường kính $3.5\text{mm}$	Cái	1300	1. Chất liệu titanium, tự taro. 2. Đường kính $3.5\text{mm}$ . Chiều dài $\geq 10\text{mm}$ , nhiều kích thước cho việc lựa chọn. Tương thích đồng bộ với nẹp khóa
	<b>Phần 3: Bộ nẹp khóa xương cánh tay</b>			

14	Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay mặt ngoài	Cái	10	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chất liệu titanium.</li> <li>2. Số lỗ thân: Có tối thiểu 3, 5, 7 lỗ trái/phải.</li> <li>3. Dây <math>\geq 2.5\text{mm}</math>, rộng <math>\geq 1\text{mm}</math>. Chiều dài <math>\geq 65\text{mm}</math>.</li> </ol>
15	Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay mặt trong	Cái	10	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chất liệu titanium, số lỗ thân: Có tối thiểu 3, 5, 7 lỗ trái/phải</li> <li>2. Dây <math>\geq 2.5\text{mm}</math>, rộng <math>\geq 1\text{mm}</math>. Chiều dài <math>\geq 59\text{mm}</math>.</li> </ol>
16	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay các loại	Cái	70	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chất liệu titanium. có tối thiểu 3, 5, 6, 8 lỗ thân.</li> <li>2. Độ dày nẹp <math>\geq 2.5\text{mm}</math>, rộng <math>\geq 11\text{mm}</math>. Chiều dài <math>\geq 84\text{mm}</math></li> </ol>
17	Vít khóa đường kính 2.7mm	Cái	100	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chất liệu titanium, tự tazo.</li> <li>2. Đường kính 2.7mm. Chiều dài <math>\geq 6\text{mm}</math>, nhiều kích thước để lựa chọn. Tương thích đồng bộ với nẹp khóa</li> </ol>
18	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	850	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chất liệu titanium.</li> <li>2. Đường kính 3.5mm. Chiều dài <math>\geq 10\text{mm}</math>, nhiều kích thước cho việc lựa chọn vít. Tương thích đồng bộ với nẹp khóa</li> </ol>
19	Vít xương cứng 3.5mm, tự tazo	Cái	100	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chất liệu titanium, tự tazo.</li> <li>2. Đường kính 3.5mm Chiều dài <math>\geq 10\text{mm}</math>, nhiều kích thước cho việc lựa chọn.</li> </ol>
	<b>Phần 4: Bộ nẹp khóa xương cẳng tay</b>			
20	Nẹp khóa mắt xích các cỡ	Cái	100	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chất liệu titanium.</li> <li>2. Nẹp khóa mắt xích thẳng: có tối thiểu 6/8/10 lỗ. Dùng vít khóa 3.5mm.</li> <li>3. Chiều dày nẹp <math>\geq 2.5\text{mm}</math>, chiều rộng <math>\geq 10\text{mm}</math>, chiều dài <math>\geq 64\text{mm}</math>.</li> </ol>
21	Nẹp khóa đầu dưới xương quay mặt lòng các cỡ	Cái	50	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chất liệu titanium.</li> <li>2. Độ dày nẹp <math>\geq 2.0\text{mm}</math>, độ rộng <math>\geq 9.0\text{mm}</math>, số lỗ thân <math>\geq 3</math> lỗ, dài <math>\geq 47\text{mm}</math></li> </ol>
22	Nẹp khóa mỏm khuỷu các cỡ	Cái	50	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chất liệu titanium.</li> <li>2. Số lỗ : có tối thiểu 4/6/8/10/12 lỗ.</li> <li>3. Độ dày nẹp <math>\geq 2.4\text{mm}</math>, độ rộng nẹp <math>\geq 10.0\text{mm}</math>, Dài <math>\geq 111\text{mm}</math></li> </ol>
23	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	1,500	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chất liệu titanium.</li> <li>2. Đường kính 3.5mm. Chiều dài <math>\geq 10\text{mm}</math>, nhiều kích thước cho việc lựa chọn. Tương thích đồng bộ với nẹp khóa.</li> </ol>
	<b>Phần 5: Bộ nẹp khóa xương đùi</b>			
24	Nẹp khóa bán rộng các cỡ	Cái	70	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chất liệu titanium.</li> <li>2. Số lỗ : Có tối thiểu 6/7/8/9/10/11/12/14/16 lỗ,</li> <li>3. Chiều dày nẹp <math>\geq 5.2\text{mm}</math>, chiều rộng <math>\geq 17.3\text{mm}</math>, chiều dài <math>\geq 100\text{mm}</math></li> </ol>
25	Nẹp khóa đầu trên xương đùi các cỡ	Cái	30	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chất liệu titanium.</li> <li>2. Chiều dày nẹp <math>\geq 5\text{mm}</math>, chiều rộng <math>\geq 16\text{mm}</math>, chiều dài <math>\geq 120\text{mm}</math></li> </ol>
26	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi các cỡ	Cái	50	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chất liệu titanium.</li> <li>2. Số lỗ thân <math>\geq 4</math> lỗ</li> <li>3. Chiều dày nẹp <math>\geq 5.5\text{mm}</math>, chiều rộng <math>\geq 16\text{mm}</math>, chiều dài <math>\geq 141\text{mm}</math>.</li> </ol>
27	Vít khóa đường kính 5.0mm	Cái	1,500	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chất liệu titanium, tự tazo</li> <li>2. Đường kính 5.0mm. Chiều dài <math>\geq 14\text{mm}</math>, nhiều kích thước cho việc lựa chọn. Tương thích đồng bộ với nẹp khóa.</li> </ol>
28	Vít xương cứng 4.5mm, tự tazo	Cái	400	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chất liệu titanium, tự tazo.</li> <li>2. Đường kính 4.5mm Chiều dài <math>\geq 14\text{mm}</math> . nhiều kích thước cho việc lựa chọn. Tương thích đồng bộ với nẹp khóa.</li> </ol>

	<b>Phân 6: Bộ nẹp xương cẳng chân</b>			
29	Nẹp khóa đầu dưới xương mác/ trái/ phải các loại	Cái	50	1. Chất liệu titanium. 2. Số lỗ thân $\geq 3$ lỗ 3. Độ dày nẹp $\geq 2.5$ mm, chiều rộng nẹp $\geq 10$ mm. Chiều dài nẹp $\geq 61$ mm.
30	Nẹp khóa đầu dưới xương chày mặt ngoài	Cái	10	1. Chất liệu titanium. 2. Độ dày $\geq 3$ mm, độ rộng $\geq 14$ mm, số lỗ $\geq 4$ lỗ, Chiều dài nẹp $\geq 80$ mm
31	Nẹp khóa đầu dưới xương chày mặt trong	Cái	10	1. Chất liệu titanium. 2. Độ dày nẹp $\geq 3.7$ mm, độ rộng $\geq 11.4$ mm. Chiều dài nẹp $\geq 116$ mm. 3. Có số lỗ thân $\geq 4$ lỗ, Trái/phải riêng biệt,
32	Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt trong các loại	Cái	10	1. Chất liệu titanium. 2. Độ dày nẹp $\geq 3$ mm, rộng $\geq 12.4$ mm, số lỗ thân : có đủ các số 4/5/6/7/8/10 lỗ, chiều dài $\geq 84$ mm
33	Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt ngoài các loại	Cái	50	1. Chất liệu titanium. Số lỗ ở thân $\geq 4$ lỗ. 2. Độ dày nẹp $\geq 4.2$ mm, chiều rộng nẹp $\geq 11.2$ mm. Chiều dài nẹp $\geq 120$ mm
34	Vít khóa đường kính 5.0mm	Cái	800	1. Chất liệu titanium. 2. Đường kính 5.0mm. Chiều dài $\geq 14$ mm, nhiều kích thước cho việc lựa chọn. Tương thích đồng bộ với nẹp khóa
35	Vít xương cứng 4.5mm, tự taro	Cái	400	1. Chất liệu titanium, tự taro. 2. Đường kính 4.5mm Chiều dài $\geq 14$ mm, nhiều kích thước cho việc lựa chọn. Tương thích đồng bộ với nẹp khóa
	<b>Phân 7: Bộ nẹp khóa bán hẹp</b>			
36	Nẹp khóa bán hẹp các cỡ	Cái	15	1. Chất liệu titanium. 2. Số lỗ: có tối thiểu 6/8/10/12 lỗ 3. Lỗ kết hợp dùng vít khóa đường kính 5.0mm tự taro và vít xương cứng đường kính 4.5mm tự taro. 4. Chiều dày nẹp $\geq 4.5$ mm, chiều rộng nẹp $\geq 13$ mm, chiều dài nẹp $\geq 106$ mm
37	Vít khóa đường kính 5.0mm	Cái	150	1. Chất liệu titanium. 2. Đường kính 5.0mm, tự taro. Chiều dài $\geq 14$ mm, nhiều kích thước cho việc lựa chọn. 3. Tương thích đồng bộ với nẹp khóa
38	Vít xương cứng 4.5mm, tự taro	Cái	30	1. Chất liệu titanium, tự taro. 2. Đường kính 4.5mm; Chiều dài $\geq 14$ mm, nhiều kích thước cho việc lựa chọn. 3. Tương thích đồng bộ với nẹp khóa
	<b>Phân 8: Đinh nội tủy rỗng nòng</b>			
39	Đinh nội tủy xương đùi đa phương điện rỗng nòng	Cái	50	Đinh nội tủy xương đùi có chốt 1. Chất liệu titanium. 2. Đường kính : có tối thiểu 3 kích cỡ 9.5mm $\pm$ 0.1; 10mm; 11 mm 3. Chiều dài đinh trong khoảng 320mm đến 420mm., nhiều kích thước cho việc lựa chọn.
40	Vít chốt cổ xương đùi dùng với đinh nội tủy	Cái	100	1. Chất liệu titanium. 2. Chiều dài $\geq 65$ mm tương thích với đinh nội tủy rỗng nòng
41	Vít chốt khóa (theo đinh)	Cái	100	1. Chất liệu titanium. 2. Đường kính 4.5mm - 5.0mm tương thích với đinh

4	Bộ khớp háng toàn phần chuỗi dài	Bộ	2	<p>Ố cối: chất liệu titanium. Ố cối có các lỗ bắt vít chống xoay. Kích thước ổ cối <math>\geq 39\text{mm}</math></p> <p>Lót ổ cối: làm bằng polyethylen có trọng lượng phân tử cao (UHMWPE) hoặc tương đương.</p> <p>Chỏm khớp : được làm bằng hợp kim rền coban- crom( CoCrMo) hoặc hợp kim thép không rỉ có hàm lượng Nitrogen cao hoặc sứ (ceramic). Đường kính <math>\geq 22\text{mm}</math>, mỗi loại có tăng giảm kích thước chỏm tương ứng</p> <p>Chuôi khớp dài: được làm từ hợp kim titanium. chuôi có thể được phủ nhám Plasma hoặc hydroxiapatite(HA), chiều dài <math>\geq 150\text{mm}</math></p> <p>Vít ổ cối: chất liệu Titanium, chiều dài <math>\geq 15\text{mm}</math></p>
5	Bộ khớp gối toàn phần	Bộ	5	<p>Lõi cầu có xi măng: Vật liệu Coban-crom, có rãnh giữ, các cỡ khác nhau</p> <p>Đệm chày: lớp đệm mằm chày có định, vật liệu Polyethylene cao phân tử, có các kích cỡ khác nhau và độ dày khác nhau <math>\geq 6\text{mm}</math>.</p> <p>Mảm chày có xi măng, Vật liệu Chrome Cobalt các kích thước khác nhau.</p> <p>Xi măng sinh học hàm lượng <math>\geq 40\text{g}</math>.</p>
6	Bộ khớp vai toàn phần không xi măng	Bộ	2	<ol style="list-style-type: none"> <li>Chuôi cánh tay được làm từ titanium, chiều dài các cỡ <math>\geq 30\text{mm}</math></li> <li>Đầu chỏm khớp vai : làm từ titanium, đường kính <math>\geq 32\text{mm}</math>, có kèm vít được làm titanium với chiều dài <math>\geq 20\text{mm}</math></li> <li>Ố chảo khớp vai và vít khóa : vật liệu Polyethylene UHMWPE và thép không gỉ, đường kính <math>\geq 34\text{mm}</math> có kèm vít được làm từ titanium hoặc tương đương với chiều dài <math>\geq 20\text{mm}</math></li> <li>Xi măng : có hoặc không</li> </ol>
7	Lưới bảo khớp	Cái	80	<p>Lưới thiết kế thẳng, rộng nông.</p> <p>Đường kính <math>3.5\text{mm}\pm 0.5</math>; <math>4.5\text{mm}\pm 0.5</math>; <math>5\text{mm}\pm 0.5</math></p> <p>Chiều dài làm việc <math>130\text{mm}</math></p> <p>Có 2 chế độ cắt dao động</p> <p>Đóng gói tiệt trùng</p> <p>Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA</p>
8	Lưới bảo mài xương, các loại, các cỡ	Cái	10	<p>Lưới thiết kế thẳng, rộng nông.</p> <p>Đường kính <math>4.0\text{mm}\pm 0.5</math>; <math>5\text{mm}\pm 0.5</math></p> <p>Chiều dài làm việc <math>130\text{mm}</math></p> <p>Đóng gói tiệt trùng</p> <p>Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA</p>
9	Lưới cắt đốt bằng sóng Radio dùng trong nội soi khớp	Cái	80	<p>Đầu đốt có 2 loại 45-50 độ và 90 độ. Điều khiển bằng nút bấm trên tay cầm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Có chức năng hút nước</li> <li>Đường kính mũi <math>\geq 3.75\text{mm}</math></li> <li>Đường kính phần thân <math>\geq 3.75\text{mm}</math></li> <li>Chiều dài làm việc <math>\geq 13\text{cm}</math>.</li> </ul> <p>Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA</p>
10	Dây dẫn nước vào khớp chạy bằng máy trong nội soi	Cái	80	<p>Có 1 đường dẫn vào với 1 đường ống hút ra. Tổng chiều dài dây dẫn <math>\geq 4.8\text{m}</math>.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA</p>
11	Vít treo cố định dây chằng chéo tự điều chỉnh độ dài	Cái	80	<p>Cấu tạo gồm phần vít chặn và vòng treo.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Vít chặn: Chất liệu titanium</li> <li>Vòng treo: Làm từ Ultrahigh Molecular Weight Polyethylene (UHMWPE). Vòng treo điều chỉnh được chiều dài, cơ chế khóa bên trong</li> <li>Sợi chỉ để kéo và kiểm tra chốt ngang có lật hay không</li> </ul> <p>Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA</p>
12	Mũi khoan ngược	Cái	15	<p>Mũi khoan sử dụng trong kỹ thuật All-inside tái tạo dây chằng chéo.</p> <p>Khoan tạo đường hầm đường kính 6-12mm</p>

Tên công ty báo giá

## BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi : Quý Khách hàng

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Mã hàng (Chủng loại/Model)	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Hãng/Nước Sx	Hãng/nước chủ sở hữu	Phân nhóm theo thông tư 14/2020/ BYT	Ghi chú( phân loại VTYT, giấy phép lưu hành, Giấy phép NK)	Mã kê khai
1													
2													
3													
4													
5													

ĐẠI DIỆN CÔNG TY BÁO GIÁ

Ghi chú chi tiết :

Nếu “ không có “ thì ghi không có

Nếu “ có “ thì ghi rõ cụ thể : ví dụ liệt kê : Thuế VAT(%), chi phí vận chuyển, bảo hành đào tạo, chi phí liên quan khác...

*Phụ lục này công ty chỉ báo giá những mặt hàng đáp ứng thông số bệnh viện yêu cầu*

TÊN CÔNG TY

Phụ lục 3

## DANH MỤC BẢO GIÁ

Thông tin yêu cầu ( Theo phụ lục I )				Thông tin báo giá					Thông tin theo nghị định 98				Thông tin trúng thầu gần nhất (120 ngày gần nhất, ghi rõ số QĐ, ngày QĐ, hợp đồng nếu có )		Ghi chú				
S	Tên vật tư hóa chất	Đơn vị	Số lượng	Thông số kĩ thuật yêu cầu	Thông số kĩ thuật bảo giá	Phân nhóm	Hãng/ nước sx	Giấy cung cấp hàng hóa hợp pháp hoặc giấy ủy quyền	Đơn giá	Thành tiền	Mã hàng	Tên thương mại	Thông số KT ( nếu giống b.giá thì ko cần điền )	Mã kê khai		Giá kê khai	Bệnh viện 1	Bệnh viện 2	Bệnh viện 3
1																			
2																			
3																			
..																			

Ghi chú : Công ty giữ nguyên phần tổng danh mục bệnh viện xin chào giá, mục nào không có ghi " Không có "